

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DSST
Ngày 29 - 8 - 2022
Về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Hồng Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu

2. Bà Trần Thanh Duyên

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu, Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh:
Ông Trần Văn Thôn – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án thụ lý số: 281/2022/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-DS, ngày 31 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng S

Địa chỉ: Số 266-268, đường Na, phường Võ, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Bảo T – chuyên viên quản lý nợ - Ngân hàng S – Chi nhánh Trà Vinh (có mặt tại điểm cầu Tòa án Thành phố Trà Vinh).

Địa chỉ: Số 555, đường N, khóm 3, phường 6, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Bà Vương Mỹ N, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Hỗ trợ kỹ thuật máy tại điểm cầu Tòa án Thành phố Trà Vinh: Ông Nguyễn Anh Khoa – Thẩm phán Tòa án nhân dân Thành phố Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 3 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin giải quyết vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S, Ông Hồ Bảo T trình bày:

Ngày 17/3/2020, bà Vương Mỹ N có ký với Ngân hàng S (Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (gọi tắt là hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà Vương Mỹ N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức tín dụng 15.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất 2.60%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng bà Vương Mỹ N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 26.700.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Vương Mỹ N đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.085.000 đồng. Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng, số tiền ưu tiên thanh toán sẽ được ưu tiên trừ vào các khoản phí, lãi trước sau đó trừ vào các khoản giao dịch.

Sau đó bà Ngân không thanh toán cho Ngân hàng nữa.

Ngày 22/6/2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu 18.633.738 đồng, Ngân hàng gọi là nợ gốc (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) và áp dụng lãi suất nợ quá hạn là 3.9 % trên số tiền nợ quá hạn này (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 29/8/2022, bà Vương Mỹ N còn nợ các khoản sau:

Nợ gốc 18.633.738 đồng

Lãi quá hạn 10.489.482 đồng.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà Vương Mỹ N trả cho Ngân hàng số tiền vay còn lại 29.123.380 đồng (Nợ gốc: 18.633.738 đồng, nợ lãi quá hạn 10.489.642 đồng) và lãi suất phát sinh từ ngày 30/8/2022 theo Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Bị đơn bà Vương Mỹ N đã được Tòa án đã được Tòa án triệu tập họp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập chị Ngân tham gia tố tụng nhưng chị Ngân không có mặt để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng không có lời khai cung cấp cho Tòa án.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh:

Về tố tụng: Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện theo các quy định tại các Điều 26, 68, 70, 71, 72, 86, 177, 196, 208 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 463, 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Vương Mỹ N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam tổng số tiền số tiền vay còn lại 29.123.380 đồng (Nợ gốc: 18.633.738 đồng, nợ lãi quá hạn 10.489.642 đồng) và lãi suất phát sinh từ ngày 30/8/2022 theo Hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ vào giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 19/3/2020, nơi cư trú bị đơn tại ấp Đầu Giòng B, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn bà Vương Mỹ N, sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành tổng đạt niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Vương Mỹ N. Tuy nhiên, bà Vương Mỹ N không đến Tòa án để trình bày ý kiến cũng không có văn bản gửi đến Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Vương Mỹ N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về tính hợp pháp của giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 19/3/2020 ký kết giữa Ngân hàng S với chị Vương Mỹ N là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng được quy định tại Điều 116, 117, 119 của Bộ luật Dân sự nên hợp đồng trên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

[4] Về quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi ký kết giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, Ngân hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, bà Vương Mỹ N đã thực hiện các giao dịch với số tiền là 26.700.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ bà Ngân đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 15.085.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Ngân không có

thiện chí trả nợ. Do đó, ngày 22/6/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Do đó việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Vương Mỹ N trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/8/2022) tổng cộng số tiền 29.123.380 đồng (Gốc: 18.633.738 đồng, nợ lãi 10.489.642 đồng) và lãi suất phát sinh từ ngày 30/8/2022 theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về mức lãi suất mà chị Vương Mỹ N phải trả cho Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/8/2022), chị Vương Mỹ N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất quá hạn mà hai bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 19/3/2020.

[6] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vương Mỹ N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 72, 147, 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều khoản 3 Điều 40, 116, 117, 119, khoản 2 Điều 277, 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Buộc bà Vương Mỹ N trả cho Ngân hàng S số tiền là 29.123.380 đồng (Gốc: 18.633.738 đồng, nợ lãi 10.489.642 đồng) Kể từ ngày 30/8/2022, bà Vương Mỹ N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất quá hạn mà hai bên thỏa thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 19/3/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bà Vương Mỹ N phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Về án phí: Buộc bà Vương Mỹ N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.456.169 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Ngân hàng S không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 624.000 đồng, theo biên lai số 0011040 ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Hồng Nhân